

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2026/DS-PT

Ngày: 20,23/3/2026

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Lâm

Các Thẩm phán: 1. Bà Trần Thị Nga

2. Bà Lê Thị Phương Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:**
Bà Lữ thị Phương Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 20,23 tháng 3 năm 2026, tại sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2026/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2026 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2026/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thanh Hoá bị kháng cáo, kháng nghị. Theo định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông La Văn Á, sinh năm 1958. Có mặt

Địa chỉ: Thôn X, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông La Văn H, sinh năm 1968. Có mặt

Địa chỉ: Thôn X, xã T, tỉnh Thanh Hóa

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ngọ Doãn T, sinh năm 1986. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã T, tỉnh Thanh Hóa

Người kháng cáo: Bị đơn ông La Văn H. Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2025, bản tự khai, nguyên đơn ông La Văn Á trình bày:

Ngày 15/5/2024, ông La Văn H đưa anh N Doãn Trường đến nhà ông hỏi vay tiền. Ông không đồng ý cho vay nên ông H đứng ra bảo lãnh và nói anh T viết

giấy vay ông H số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 10 ngày; không thế chấp tài sản; không tính lãi thì ông mới cho vay tiền, ông H là người nhận tiền của ông.

Quá trình vay, ông H không đem tiền đến trả cho ông. Ngày 27/12/2024 anh T viết giấy hứa đến ngày 24/12/2024 âm lịch (tức ngày 23/01/2025 dương lịch) sẽ trả 50.000.000đ cho ông H để ông H trả lại số tiền ông H đứng ra vay cho anh T. Đồng thời, ông H cam kết nếu không ông sẽ trả số tiền nợ trên làm ba lần đến tháng 5/2025 cho ông.

Sau thời gian, ông H đã trả hai lần tiền cho ông, tổng số tiền là 32.000.000đ (Ba hai triệu đồng); số tiền còn lại 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) ông H nói thẳng sẽ không trả cho ông nữa. Để đảm bảo quyền lợi, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H trả số tiền nợ gốc còn 18.000.000đ (mười tám triệu đồng); về lãi suất: ông không yêu cầu đối với ông H.

** Bị đơn ông La Văn H trình bày:*

Giữa ông và ông La Văn Á có mối quan hệ họ hàng với nhau; còn anh T là người quen biết từng hỏi vay tiền của ông. Để chứng kiến việc anh T vay tiền của ông Á nên hai bên nói chuyện vay mượn số tiền 50.000.000đ, còn ông không liên quan. Ông Á đưa tiền, anh T là người nhận tiền và là người viết giấy vay số tiền trên. Đếm tiền xong, anh T thế chấp cho ông Á 01 số đỏ. Quá trình vay mượn anh T có trách nhiệm trả số tiền vay cho ông Á. Số tiền ông đưa cho ông Á 32.000.00đ là do anh T vay của ông để nhờ ông trả cho ông Á. Số tiền còn lại 18.000.000đ thì ông không liên quan. Tuy nhiên, anh T đã từng mang 7.000.000đ (bảy triệu đồng) ra trả cho ông Á, chốt số tiền còn nợ lại là 01 chỉ vàng nhưng ông Á không nghe và không nhận tiền của anh T. Nay ông Á kiện ông để buộc ông có trách nhiệm trả số tiền còn lại 18.000.000đ là ông không đồng ý vì ông chỉ là người làm chứng, người vay là anh Ngô Doãn T. Đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh N Doãn Trường trình bày:*

Anh với ông La Văn Á, La Văn H có mối quan hệ là hàng xóm láng giềng của nhau. Trước đó anh chưa vay tiền, chỉ mới vay vàng của ông Á. Sau này, anh đã hỏi vay tiền của ông Á và ông hứa sẽ rút tiền từ Ngân hàng B để cho anh vay số tiền 50.000.000đ. Khoảng tháng 5/2024, anh đến hỏi vay ông Á tiền, ông La Văn H đi cùng làm chứng. Anh nhận tiền từ ông Á đưa và thế chấp 01 số đất nông nghiệp (bản chính) và 01 số đất (bản phô tô). Sau đó, ông Á hỏi nhiều lần, anh nhờ ông H đem số tiền đến trả cho ông Á, tổng cộng là 32.000.000đ và ông Á đã trả lại các sổ đỏ anh thế chấp cho ông Á. Thời gian sau anh mang trả cho ông Á 7.000.000đ nhưng ông Á không lấy và yêu cầu anh phải trả đủ. Nay ông Á yêu cầu ông H trả số tiền còn nợ lại, anh không đồng ý vì anh mới là người trực tiếp vay tiền của ông Á. Anh sẽ có trách nhiệm trả nợ số tiền trên cho ông Á, ông Á không được đòi ông H. Về giấy vay tiền ông Á xuất trình cho Tòa án ghi ngày 24/12/2025 từ dòng thứ 01 đến dòng thứ 12 là do anh viết, nội dung: “anh vay

tiền của ông H 50.000.000đ hứa 10 ngày sau sẽ trả..". Như vậy, ông Á kiện anh mới đúng, không nên kiện ông H. Anh sẽ thanh toán dần số tiền trên cho ông Á.

*** Tại Bản án số 05/2026/DS-ST ngày 22/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thanh Hóa đã Quyết định:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 463; Điều 465; Điều 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí kèm theo.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông La Văn Á.

Buộc ông La Văn H có nghĩa vụ trả nợ cho ông La Văn Á số tiền còn nợ là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 30/01/2026, bị đơn ông La Văn H kháng cáo Bản án số 05/2026/DS-ST ngày 22/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thanh Hóa; Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

* Ngày 05/02/2026, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Thanh Hoá kháng nghị Bản án số 05/2026/DS-ST ngày 22/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thanh Hóa, đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử theo hướng Hủy Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

*** *Tại phiên tòa phúc thẩm:*** Nguyên đơn ông La Văn Á không rút đơn khởi kiện, không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Thanh hoá; Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo; Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

*** *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đều tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông La Văn H, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Thanh Hoá, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2026/DS-ST ngày 22/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thanh Hóa và đình chỉ giải quyết vụ án do không đúng đối tượng khởi kiện.

Về án phí: Người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của U.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng.

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân khu vực 5 -Thanh Hoá xác định vụ án dân sự là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo khoản 3 Điều 26 BLTTDS và Tòa án nhân dân khu vực 5 -Thanh Hoá thụ lý giải quyết là đúng quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn ông La Văn H, Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Thanh Hoá làm theo đúng trình tự, thời hạn quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Thanh Hoá, kháng của bị đơn ông La Văn H

[2.1] Căn cứ nội dung trình bày của các bên đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Về số tiền vay 50.000.000đồng: Theo giấy vay tiền lập ngày 15/5/2024 DL thể hiện anh T vay tiền của ông H với số tiền 50.000.000đồng, hứa là 10 ngày sau sẽ hoàn trả cho ông H, trong giấy có chữ ký của anh T, ông H và ông Á; các bên đều xác nhận đây là tiền của ông Á. Theo giấy nhận nợ ngày 27/12/2024 thể hiện anh T hứa sẽ trả số tiền 50.000.000đồng cho ông H vào ngày 25/12/2024 âm lịch để ông H trả lại cho ông Á; nếu không đúng cháu xin chịu hoàn toàn trước pháp luật; đồng thời ông H cam kết nếu không thì ông H sẽ trả thành ba lần tiền hết số nợ tháng 5/2025 cho ông La Văn Á. Đây là cam kết giữa anh T và ông H với nhau, đồng thời thể hiện nếu đến hạn ngày 25/12/2024 âm lịch mà anh T không trả nợ cho ông H thì ông H sẽ phải dùng tiền của mình để trả nợ số tiền 50.000.000đồng cho ông Á. Đồng thời sau khi viết giấy này anh T và ông H đưa cho ông Á giữ; tuy ông Á không ký vào giấy thể hiện việc có đồng ý với cam kết giữa anh T và ông H hay không, nhưng từ khi cầm giấy này ông Á cũng không có ý kiến gì về nội dung cam kết này, điều này thể hiện nếu hết thời hạn anh T cam kết trả nợ cho ông H để ông H trả lại cho ông Á thì ông H sẽ trả nợ cho ông Á.

Từ lời trình bày của các đương sự đều thống nhất số tiền anh T vay của ông H là tiền của ông Á. Theo 02 giấy nêu trên, thể hiện việc vay nợ khoản tiền 50.000.000đồng là việc giữa ông La Văn H với anh Ngô Doãn T và không thể hiện việc anh T vay tiền ông Á thông qua ông H, việc ông Á nại xuất phát từ mối quan hệ đứng đắn với nhau nên ông Á đã tin tưởng đưa số tiền 50.000.000đồng cho ông H vay nhưng hai bên không viết giấy tờ vay để ông H cho anh T vay lại.

Điều này thể hiện tính chất bắc cầu, ông Á cho ông H vay và ông H cho anh T vay lại. Như vậy, xác định lời nài của ông Á là có cơ sở và trách nhiệm trả nợ cho ông Á là ông H.

Mặt khác, do đến hạn mà anh T không trả nợ cho ông H để ông H trả cho ông Á như đã cam kết trong giấy ngày 27/12/2024 DL, nên ông H đã trực tiếp trả nợ cho ông Á, tổng số tiền là 32.000.000đồng cụ thể 02 lần như sau: Tháng 02/2025 ông H trả cho ông Á 17.000.000đồng, tháng 04/2025 ông H trả cho ông Á 15.000.000đồng. Điều này thể hiện việc ông H đang thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Á theo giấy đề ngày 27/12/2024 DL; việc ông H nài anh T nhờ ông mang tiền đến trả cho ông Á nhưng ông H xuất trình được tài liệu, giấy tờ chứng minh cho việc này nên lời nài của ông H không có cơ sở chấp nhận.

Đối với số tiền các bên đều thống nhất còn lại là 18.000.000đồng; tuy nhiên, ông H không thừa nhận thanh toán cho ông Á, mà ông cho rằng trách nhiệm thanh toán phải do anh T là người thực hiện trả nợ cho ông Á. Đối với lời nài của ông Á: Ngày 15/5/2024, ông La Văn H đưa anh N Doãn Trường đến nhà ông hỏi vay tiền. Ông không đồng ý cho vay nên ông H đứng ra bảo lãnh và nói anh T viết giấy vay ông H số tiền 50.000.000đồng(năm mươi triệu đồng), nhưng trong giấy ngày 15/5/2024 DL không thể hiện nội dung nào ông Á cho anh T vay tiền mà chỉ thể hiện việc anh T vay nợ của ông H. Như vậy, thể hiện trách nhiệm trả nợ cho ông Á là ông H chứ không phải anh T. Anh T nài anh vay tiền của ông Á, ông H nài ông chỉ là người làm chứng là không có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào giấy ngày 27/12/2024 âm lịch thì đã quá thời hạn tháng 05/2025 ông H trả nợ cho ông Á, nên tháng 08/2025 ông La Văn Á khởi kiện ông La Văn H phải có trách nhiệm trả nợ cho ông số tiền còn lại 18.000.000đồng là có căn cứ chấp nhận. Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc ông La Văn H phải có trách nhiệm trả nợ cho ông La Văn Á là đúng người, đúng quy định của pháp luật.

Đối với Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Thanh Hoá thể hiện: Tại 02 tờ giấy mà ông Á giao nộp cho Tòa án cũng không thể hiện việc ông H vay tiền của ông Á mà chỉ là người đứng ra bảo lãnh cho khoản nợ mà anh T vay của ông Á. Tuy nhiên, tờ giấy thể hiện việc bảo lãnh của ông H vi phạm cả về hình thức lẫn nội dung: không thể hiện bằng văn bản; không có công chứng, chứng thực; nội dung bảo lãnh không rõ ràng, không đúng với các quy định của Bộ luật dân sự về “Bảo lãnh”. Từ những phân tích nêu trên, qua giấy vay tiền lập ngày 15/5/2024 DL thể hiện việc anh T vay tiền của ông H; giấy nhận nợ ngày 27/12/2024 thể hiện anh T hứa sẽ trả nợ cho ông H để trả lại cho ông Á và trong giấy thể hiện nếu anh T không trả cho ông thì ông sẽ tự mình trả nợ cho ông Á. Điều này thể hiện không có việc ông H đứng ra bảo lãnh cho khoản nợ mà anh T vay của ông Á. Như vậy, nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Thanh Hoá không có cơ sở chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bị đơn ông La Văn H cũng không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Thanh Hoá, kháng cáo của bị đơn ông La Văn H, Giữ nguyên bản án Bản án số 05/2026/DS-ST ngày 22/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thanh Hóa.

Đối với nghĩa vụ của anh T đối với ông H, thì danh quyền cho ông H khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu và có tài liệu căn cứ chứng minh.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông La Văn H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.
2. Không chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Thanh Hoá, kháng cáo của bị đơn ông La Văn H; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2026/DS-ST ngày 22/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thanh Hóa.
3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông La Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001012 ngày 06/02/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – Thanh Hoá. Ông La Văn H đã nộp đủ tiền án phí DSPT.
4. Các quyết định khác của Bản án số 05/2026/DS-ST ngày 22/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thanh Hóa không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.
5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tối cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKS, TA, THADS KV 5-Thanh Hoá ;
- Dương sự;
- Tổ HC-TP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Lâm

